

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THẨM ĐỊNH GIÁ PSD**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/QĐ-BP

Hà Nội, ngày 22 tháng 05 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Vv: Ban hành mức thu phí cơ bản dịch vụ tư vấn thẩm định giá của Công ty Cổ phần Thẩm định giá PSD

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN THẨM ĐỊNH GIÁ PSD

- Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/08/2001;
- Căn cứ Luật giá số 11/2012/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 20/06/2012, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2013;
- Căn cứ Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 08 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá;

QUYẾT ĐỊNH

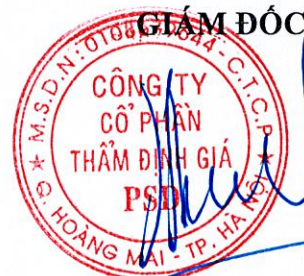
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định mức thu phí dịch vụ tư vấn thẩm định giá của Công ty Cổ phần thẩm định giá PSD”.

Điều 2. Phòng Nghiệp vụ, Phòng Hành chính - Kế toán, Phòng Kinh doanh của Công ty căn cứ quy định tại quyết định này thống nhất thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- HĐQT;
- Ban lãnh đạo Công ty;
- Như Điều 2;
- Lưu HC - KT.



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thành Trung

QUY ĐỊNH

*Mức thu phí dịch vụ tư vấn thẩm định giá của Công ty CP Thẩm định giá PSD
(Ban hành kèm theo Quyết định số Số: 02/QĐ-BP ngày 22 tháng 05 năm 2023 của
Giám đốc Công ty Cổ phần Thẩm định giá PSD)*

Điều 1. Quy định chung

- Tất cả những quy định về mức thu phí dịch vụ thẩm định giá ban hành trước quy định này đều không có hiệu lực.
- Mức phí dịch vụ dưới đây chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.
- Việc thu phí dịch vụ phải dựa theo quy định này và được đảm bảo công khai, chính xác.
- Trường hợp đặc biệt (tùy theo giá trị và tính chất phức tạp của tài sản cần thẩm định giá), Giám đốc Công ty quyết định mức thu phí cho từng trường hợp cụ thể.

Điều 2. Mức phí dịch vụ tư vấn thẩm định giá:

Được chi tiết theo các Phụ lục đi kèm:

- Phụ lục 01: Bảng phí dịch vụ thẩm định giá bất động sản.
- Phụ lục 02: Bảng phí dịch vụ thẩm định giá trị doanh nghiệp.
- Phụ lục 03: Bảng phí dịch vụ đi kèm theo điều kiện.

Điều 3. Mức thu phí dịch vụ tái thẩm định giá: Được xác định căn cứ trên giá trị của hợp đồng đã được thẩm định giá.

PHỤ LỤC 01: BẢNG PHÍ DỊCH VỤ THẨM ĐỊNH GIÁ BẤT ĐỘNG SẢN

1. **Mức phí tối thiểu (chưa bao gồm VAT): 2.000.000 đồng/ bất động sản**
2. **Phí thẩm định giá (chưa bao gồm VAT):**

Phần giá phí tính theo giá trị kết quả thẩm định giá:

STT	GIÁ TRỊ TÀI SẢN THẨM ĐỊNH GIÁ (Triệu đồng)		Tỷ lệ phí (%)
	Từ trên	Đến	
1	0	500	Mức tối thiểu
3	500	1.000	0,4
4	1.000	5.000	0,3
5	5.000	10.000	0,25
6	10.000	20.000	0,22
7	20.000	30.000	0,17
8	30.000	40.000	0,15
9	40.000	50.000	0,12
10	>50.000		Thỏa thuận

Note: Cách tính phí

Phí thẩm định mức N = Max (phí thẩm định mức N-1) + (Giá trị tài sản mức N
– Giá trị tài sản Max (mức N-1))*(tỷ lệ phí mức N)

PHỤ LỤC 02: BẢNG PHÍ DỊCH VỤ THẨM ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

Phí thẩm định giá tính theo giá trị kết quả thẩm định giá:

STT	GIÁ TRỊ TÀI SẢN THẨM ĐỊNH GIÁ (Triệu đồng)		Tỷ lệ phí (%)
	Từ trên	Đến	
1	0	5.000	0,50
2	5.000	10.000	0,46
3	10.000	20.000	0,40
4	20.000	30.000	0,35
5	30.000	50.000	0,30
6	50.000	70.000	0,25
7	70.000	90.000	0,20
8	90.000	110.000	0,18
9	110.000	130.000	0,16
10	130.000	150.000	0,14
11	150.000	200.000	0,12
12	200.000	250.000	0,10
13	250.000	300.000	0,08
14	300.000	400.000	0,06
15	400.000	500.000	0,05
16		>500.000	Thỏa thuận

Note: Cách tính phí

Phí thẩm định mức N = Max (phí thẩm định mức N-1) + (Giá trị tài sản mức N – Giá trị tài sản Max (mức N-1))*(tỷ lệ phí mức N)

PHỤ LỤC 03: BẢNG PHÍ DỊCH VỤ ĐI KÈM THEO ĐIỀU KIỆN

TT	Điều kiện	Mức phí (VNĐ)	Đơn vị tính
1	Chi phí phát hành		
a	Số lượng chứng thư và báo cáo thẩm định phát hành thêm.	200.000	VNĐ/CT
3	Chi phí khảo sát		
a	Đối với BĐS ở khu vực 1 Tp. Hà Nội bao gồm các quận: Ba Đình, Hoàn Kiếm, Đống Đa, Hoàng Mai, Cầu Giấy, Thanh Xuân, Tây Hồ, Hà Đông.	Không tính phí khảo sát	
b	Đối với BĐS ở khu vực 2 TP. Hà Nội bao gồm các quận, huyện: Đông Anh, Thanh Trì, Gia Lâm, Chương Mỹ, Đan Phượng, Hoài Đức, Quốc Oai, Thường Tín, Long Biên, Từ Liêm.	200.000	VNĐ/TS
c	Đối với BĐS ở khu vực 3 Tp. Hà Nội bao gồm các quận, huyện: Ba Vì, Sơn Tây, Mỹ Đức, Phú Xuyên, Ứng Hòa, Sóc Sơn, Phúc Thọ, Thạch Thất, Mê Linh, Thanh Oai.	400.000	VNĐ/TS
d	Đối với tài sản tại các tỉnh ngoài Hà Nội chi phí khảo sát sẽ do PSD và khách hàng thỏa thuận..		
e	Khách hàng tạm ứng trước phí dịch vụ thẩm định giá là: 500.000 đồng và thanh toán chi phí khảo sát cho chuyên viên thẩm định tại thời điểm khảo sát. Khách hàng thanh toán số tiền còn lại khi nhận Chứng thư Thẩm định giá.		
4	Ngôn ngữ Chứng thư, Báo cáo		
	Thỏa thuận tùy theo ngôn ngữ và theo đơn giá thị trường tại thời điểm khách hàng yêu cầu.		

